ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÌNH PHÚ
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phú, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - NĂM HỌC 2025 - 2026

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên trường: Trường Trung học cơ sở Lam Sơn

2. Địa chỉ: 805A Hậu Giang, Phường Bình Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 02838752018

Website: https://thcslamsonq6.hcm.edu.vn/homegd1

Email: thcslamson.q6@hcm.edu.vn

3. Loại hình, Chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú.

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại đơn vị phường Bình Phú.

4. Mục tiêu giáo dục:

Xây dựng và duy trì trường THCS Lam Sơn trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10 THPT; Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt".

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc học nghề.

Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường là "Nhân Ái - Trách Nhiệm - Hợp Tác - Sáng Tạo"

5. Quá trình thành lập và phát triển:

❖ **Quá trình thành lập:**

Trường trung học cơ sở Lam Sơn được thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 1993 theo quyết định số 639/QĐ-UB ngày 26/6/1993 của Ủy ban nhân dân Quận 6. Từ năm học 2006 - 2007 chuyển đổi Trường THCS Lam Sơn thành Trường THCS Lam Sơn trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 6 theo quyết định số 1642/QĐ-UB ngày 21/6/2006.

Trường Trung học cơ sở Lam Sơn được khởi công xây dựng tại số 805A Hậu

Giang, phường Bình Phú trên diện tích đất 4809,3 m2, trường có 46 phòng học và các phòng chức năng phục vụ giảng dạy học tập cho các em trên địa bàn phường.

Tuy là địa bàn trung tâm nhưng vẫn còn nhiều hộ nghèo, khó khăn, làm thuê không ổn định, do vậy nhiều phụ huynh chưa có điều kiện quan tâm đến việc học tập của con em, bên cạnh đó nhiều hộ có kinh tế khá giả, song lại tập trung vào làm ăn nên chưa quan tâm đúng mức, đúng cách. Điều đang lo ngại là tỷ lệ học sinh có cha mẹ không hòa thuận khá cao nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng học tập và đời sống tâm lý của các em.

Thiếu nhà thi đấu đa năng nên cũng ảnh hưởng một phần nào đến chất lượng giáo dục thể chất của nhà trường.

❖ **Quá trình phát triển:**

Đê nâng cao chất lượng giáo dục, ngay từ năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng, trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp Thành phố, các phong trào thi đua cũng đạt được những thứ hạng cao trong thành phố.

Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng học sinh của thầy, cô kết hợp với nội dung cuộc vận động *"Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"*. Bên cạnh đó, việc quản lý nên nếp trật tự kỷ luật học sinh còn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ Quản sinh vốn là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với học sinh và CMHS, uốn nắn và đưa vào nền nếp ngay từ khi vào trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu ***"Đổi mới sáng tạo trong dạy học".*** Cùng với việc thực hiện *"Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục"* và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho viên chức nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: *Tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...* Bên cạnh đó công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được quy chế hóa bằng văn bản nhằm công khai đế người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thế đoàn kết, có tinh thân trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Lưu Hồng Phong - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 805A Hậu Giang, Phường Bình Phú, TPHCM.

Số điện thoại: 0906242362

Email: luuhongphong2812@gmail.com

Tổ chức bộ máy

6.1. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Phú về việc Thành lập Trường THCS Lam Sơn thuộc Ủy ban nhân dân phường Bình Phú trên cơ sở tổ chức lại Trường THCS Lam Sơn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 6.

6.2 Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 80/QĐ-UBND, ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Phú về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Lam Sơn.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 81/QĐ-UBND, ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Phú về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Lam Sơn.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 82/QĐ-UBND, ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Phú về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Lam Sơn.

6.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

Cơ chế hoạt động của trường THCS Lam Sơn.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm.

Trường THCS Lam Sơn là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường Bình Phú.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, NV và HS tham gia các hoạt động XH.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy giáo dục

- 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.
- Tổ chức Công đoàn có 120 công đoàn viên.

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Lưu Hồng Phong	Hiệu trưởng	0906242362	luuhongphong2812@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: 805A Hậu Giang, Phường Bình Phú, TPHCM

Số điện thoại: 02838752018

Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch 243/KH-THCS.LS, ngày 20/6/2025 của Trường THCS Lam Sơn về việc Chiến lược phát triển Trường Trung học cơ sở

Lam Sơn giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035.

- Quy chế dân chủ nhà trường: Quyết định số 260/QĐ-THCS.LS, ngày 04/11/2025 về việc ban hành quy chế dân chủ cơ sở năm học 2025 - 2026 và Quyết định số 258/QĐ-THCS.LS ngày 04/11/2025 về Quy chế đối thoại năm học 2025 - 2026

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lí nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đã được trẻ hoá, đảm bảo về trình độ chuyên môn đê cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu đê nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên THCS Lam Sơn năm học 2025 - 2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	**Giáo viên**														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	13		2	11				9	4				13	
2	Văn	14		7	7				9	5				14	
3	Anh	12		1	11				4	8				12	
4	KHTN	14		3	11				7	7				14	
5	LS-ĐL	10		3	7				6	4				10	
6	GDCD	3		1	2				1	1	1			3	
7	Âm nhạc	2			2				1	1				2	
8	Mỹ thuật	2			2					2				2	
9	Thể dục	4			4				1	3				4	
10	Công nghệ	4			3	1			3	1				4	

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
11	Tin học	4			4				1	3				4	
12	Tổng phụ trách	1							1					1	
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng	1	1								1			**1**	
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2				**2**	
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên CNTT	1					1								
7	Nhân viên thiết bị	1			1										

III. Cơ sở vật chất

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học bộ môn, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bô sung, nâng cấp kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Khu vệ sinh được bố trí hợp lí theo từng khu vực học tập của học sinh và làm việc của giáo viên.

Trường có tường rào, biển trường, cổng trường (cổng 1, cổng 2). Khuôn viên nhà trường rộng, đẹp, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi.

Thông tin cơ sở vật chất của THCS Lam Sơn - Năm học 2025-2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	48	
II	**Loại phòng học**		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Phòng học kiên cố	46	
2	Phòng học bán kiên cố	02	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	05	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/1 phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	
III	**Số điểm trường**		
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	4.890	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	1.272	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	3.618	
1	Diện tích phòng học (m^2)	36	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	390	
3	Diện tích thư viện (m^2)	96	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyềnthống (m^2)*	48	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	404	
1.2	Khối lớp 7	380	
1.3	Khối lớp 8	360	
1.4	Khối lớp 9	395	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	99	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	48	
2	Cát xét	08	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6/0/2	
5	Nhạc cụ	68	
6	Ti vi tương tác	48	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	Nhà bếp	68
XI	Nhà ăn	180

	Nội dung	Số lượng phòng, tổngdiện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bìnhquân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bántrú	37 Phòng, tổng diện tích 1,382	1,518	1,1/chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáoviên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

* Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Lớp 6

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 6 (Tập 1; 2)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyên (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiển, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
2	Ngữ văn 6 (Tập 1; 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Điệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thuy	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
3	Tiếng Anh 6 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần GD. Đại Trường Phát
4	Giáo dục công dân 6	Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Tiêu Thị Mỹ Hồng, Đỗ Công Nam, Vũ Thị Thanh Nga	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
5	Khoa học tự nhiên 6	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
6	Lịch sử và Địa lí 6	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Tin học 6	Hồ Sĩ Đàm, Hồ cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê,	Đại học Sư phạm	Cánh diều

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chi Trung		
8	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Âm nhạc 6	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh Tân	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Mĩ thuật 6	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 2
11	Giáo dục thể chất 6	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên),	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
	nghiệp 6	Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn		

2. Lớp 7

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 7 (Tập 1; 2)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyên (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiển, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Thanh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
2	Ngữ văn 7 (Tập 1; 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thị Minh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 7 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần GD. Đại Trường Phát
4	Giáo dục công dân 7	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đỗ Công Nam.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
5	Khoa học tự nhiên 7	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Phạm Thị Hương,Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng		
6	Lịch sử và Địa lí 7	Nguyễn Kim Hồng, (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Tin học 7	Hồ Sĩ Đàm, Hồ cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc,	Đại học Sư phạm	Chân trời sáng tạo
8	Công nghệ 7	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy giới (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Âm nhạc 7	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
10	Mĩ thuật 7	Nguyễn Thị May (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Trần Đoàn Thanh Ngọc, Lâm Yến Như	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 2
11	Giáo dục thể chất 7	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 7	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1

3. Lớp 8

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 8 (Tập 1; 2)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyên (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiển, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Thanh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
2	Ngữ văn 8 (Tập 1; 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thị Minh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 8 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần GD. Đại Trường Phát
4	Giáo dục công dân 8	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đỗ Công Nam.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
5	Khoa học tự nhiên 8	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Mai Văn Hưng, Mai Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
6	Lịch sử và Địa lí 8	Nguyễn Kim Hồng, (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
7	Tin học 8	Quách Tất Kiên (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Hồ Thị Hồng, Quach1 Tất Hoàn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Công nghệ 8	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Âm nhạc 8	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Mĩ thuật 8	Nguyễn Thị May (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Trần Đoàn Thanh Ngọc, Lâm Yến Như	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 2
11	Giáo dục thể chất 8	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Đặng Hoài An	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 8	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1

4. Lớp 9

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1.	Ngữ văn 9, tập 1 và tập 2 Chân trời sáng tạo	Tập 1: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân. Tập 2: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.	Toán 9, Tập 1 và Tập 2 Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyên, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiển, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Anh 9 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
4.	Lịch sử và Địa lí 9 Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Viết Ngạc, Nguyễn Văn Phượng, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5.	Giáo dục Công dân 9 Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên) Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6.	Tin học 9 Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), cổ Tồn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng, Nguyễn Tấn Phong, Đoàn Thị Ái Phương, Đào Thị Thoả, Nguyễn Thanh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7.	Âm nhạc 9 Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8.	Mỹ thuật 9 Chân trời sáng tạo bản 2	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Văn Bình, Đào Thị Hà, Trần Đoàn Thanh Ngọc.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9.	GDTC 9 Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu..	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản -Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
10.	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11.	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lưỡng, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12.	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị cẩm Vân (Chú biên); Nguyễn Thị Lưỡng, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Son, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13.	Khoa học tự nhiên 9 Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chú biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Đương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đạt KĐCLGD cấp độ 1 theo Quyết định số 1494-94/QĐ-SGDĐT ngày 13/6/2022.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được

nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Thực hiện nguyên lý giáo dục "Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn". Trường THCS Lam Sơn đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD-ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều tăng về số lượng và chất lượng.

Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2025 - 2026: 350 học sinh

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	353	9	184	34	03
7	464	11	223	48	06
8	687	16	329	63	07
9	496	12	241	44	03
Toàn trường	2000	48	977	189	19

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm, KQRL**	**1998**	**353**	**462**	**687**	**496**
1	Tốt (TỐT) (tỷ lệ so với tổng số)	1908	348	449	636	475
2	Khá (KHÁ) (tỷ lệ so với tổng số)	85	05	13	46	21
3	Trung bình (ĐẠT) (tỷ lệ so với tổng số)	05	00	00	05	00

4	Yếu (CHƯA ĐẠT) (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
II	**Số học sinh chia theo học lực, KQHT**	**2000**	**353**	**464**	**687**	**496**
1	TỐT (tỷ lệ so với tổng số)	1020	182	273	324	241
2	KHÁ (tỷ lệ so với tổng số)	650	124	130	234	162
3	ĐẠT (tỷ lệ so với tổng số)	290	44	55	111	80
4	CHƯA ĐẠT (tỷ lệ so với tổng số)	40	03	06	18	13
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp Quận	26	5	7	6	8

2	Cấp tỉnh/thành phố	44	1	5	5	33
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**					
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**					
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập** (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập** (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**1020/980**	169/184	241/223	360/328	255/241
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**189**	34	48	63	44

~~xoá không giáo dục- (Sau kiểm tra lại) - Năm học 2023-~~

- Năm học 2024- 2025 nhà trường có 20 học sinh ở lại lớp.
- Số học sinh được công nhận xét và công nhận tốt nghiệp: 420 đạt 100%
- Số học sinh được trúng tuyển vào THPT công lập: 391 HS (93,1%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0	**427.885.133**
DỰ TOÁN GIAO (2)	**14.387.457.000**	**19.433.878.825**
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	0	1.696.177.936
DỰ TOÁN THU (1+2+3)	**14.387.457.000**	**21.557.941.894**
DỰ TOÁN CHI	**14.316.457.000**	**19.170.696.613**
Lương theo ngạch, bậc	6.030.298.617	0
Phụ cấp chức vụ	80.012.998	0
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	0	1.505.569.132

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	3.576.000	0
Phụ cấp ưu đãi nghề	1.749.285.955	378.198.922
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	8.940.000	0
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	1.015.732.643	0
Bảo hiểm xã hội	1.211.838.053	0
Bảo hiểm y tế	213.785.632	0
Kinh phí công đoàn	180.887.231	0
Bảo hiểm thất nghiệp	31.419.674	0
Các khoản đóng góp khác	35.630.929	0
Chi khác	174.600.000	12.621.724.925
Tiền điện	193.596.701	0
Tiền nước	72.091.032	0
Cước phí điện thoại	555.200	0
Khoán công tác phí	6.000.000	0
Chi các khoản khác	82.017.800	1.218.513.634
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	2.097.022.548	0
Chi lập Quỹ phúc lợi	483.928.280	0
Chi lập Quỹ khen thưởng	161.309.427	0
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	483.928.280	0
Chi hỗ trợ khác	0	0
Thưởng khác	0	1.230.606.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	0	2.116.400.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	0	0
Chi mua hàng hóa, vật tư	0	99.684.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	**0**	**0**
CHUYỂN SANG NĂM 2026	**0**	**2.183.463.208**
KINH PHÍ HỦY	**71.000.000**	**203.782.073**

b.Nguồn dịch vụ

STT	NỘI DUNG/NGUỒN CHI	SỐ TIỀN
I	**NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)**	**23.487.709**
II	**THU TRONG NĂM (2)**	**26.202.025.355**

STT	NỘI DUNG/NGUỒN CHI	SỐ TIỀN
III	**CHI TRONG NĂM (3)**	**26.036.852.491**
1	Lương theo ngạch, bậc	9.636.705
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	618.224.400
3	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	26.425.000
4	Phụ cấp ưu đãi nghề	2.891.012
5	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	41.094.000
6	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	
7	Thưởng khác	
8	Bảo hiểm xã hội	295.642.771
9	Bảo hiểm y tế	51.139.799
10	Kinh phí công đoàn	
11	Bảo hiểm thất nghiệp	17.046.600
12	Các khoản đóng góp khác	8.523.300
13	Thanh toán tiền ăn	5.607.091.816
14	Chi khác	5.085.276.552
15	Tiền điện	474.261.157
16	Tiền nước	74.636.094
17	Tiền vệ sinh, môi trường	64.085.426
18	Văn phòng phẩm	52.117.000
19	Vật tư văn phòng khác	25.185.000
20	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	14.196.600
21	Tuyên truyền, quảng cáo	12.960.000
22	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13.931.000
23	Khác	972.000
24	Thuê thiết bị các loại	32.552.058
25	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	43.680.000
26	Thuê lao động trong nước	2.484.973.329
27	Chi phí thuê mướn khác	14.400.000
28	Nhà cửa	72.339.667
29	Các thiết bị công nghệ thông tin	21.296.400
30	Tài sản và thiết bị văn phòng	1.050.000

STT	NỘI DUNG/NGUỒN CHI	SỐ TIỀN
31	Đường điện, cấp thoát nước	9.895.000
32	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	84.371.304
33	Tài sản và thiết bị khác	101.902.690
34	Chi mua hàng hóa, vật tư	4.980.369.441
35	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	15.833.300
36	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	1.526.037.475
37	Chi khác	1.366.703.066
38	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	15.400.000
39	Xây dựng phần mềm công nghệ thông tin	1.000.000
40	Chi các khoản phí và lệ phí	972.000
41	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	5.500.000
42	Chi tiếp khách	2.138.720
43	Chi các khoản khác	11.712.000
44	Nộp thuế	502.492.170
45	Trích CCTL	908.154.139
46	Trích quỹ PTSN	204.334.680
47	Trích quỹ phúc lợi	204.334.680
48	Trích quỹ khen thưởng	68.111.561
49	Trích quỹ bổ sung thu nhập	885.450.286
IV	**CHUYỂN SANG NĂM 2026 (1+2-3)**	**165.172.864**

2. Công khai các khoản thu năm 2025-2026

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	**Năm học 2025-2026**			
1	Học phí	đồng	0	
2	Tiền tổ chức học 2 buổi/ngày	đồng	0	
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường tiếng anh	đồng	100.000	
4	Tiền tổ chức dạy tin học Quốc tế IC3	đồng	180.000	
5	Tiền tổ chức học tiếng anh với người nước ngoài	đồng	200.000	
6	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng	80.000	
7	Tiền tổ chức phục vụ quản lý và vệ sinh bán trú	đồng	300.000	

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng	170.000	
9	Học phẩm	đồng	50.000	
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng	40.000	
11	Tiền nước uống	đồng	20.000	
12	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	đồng	26.000	
13	Sổ liên lạc điện tử /năm học	đồng	135.000	
14	Tiền điện sử dụng máy điều hoà nhiệt độ	đồng	22.000	
15	Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện)	đồng	30.000	
16	Bảo hiểm y tế	đồng	0	

3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	đồng	1.588.820.300	
3	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	đồng	3.378.043.264	

Nơi nhận:
- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LAM SƠN

Lưu Hồng Phong